

Bản tin tuần

Tuần từ 29/11 đến 03/12 năm 2010

Địa chỉ liên hệ:
Ban Phân tích
Email: research@psi.vn
Website: <http://psi.vn>

CTCP CK Dầu khí (PSI)

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu

ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26;
Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

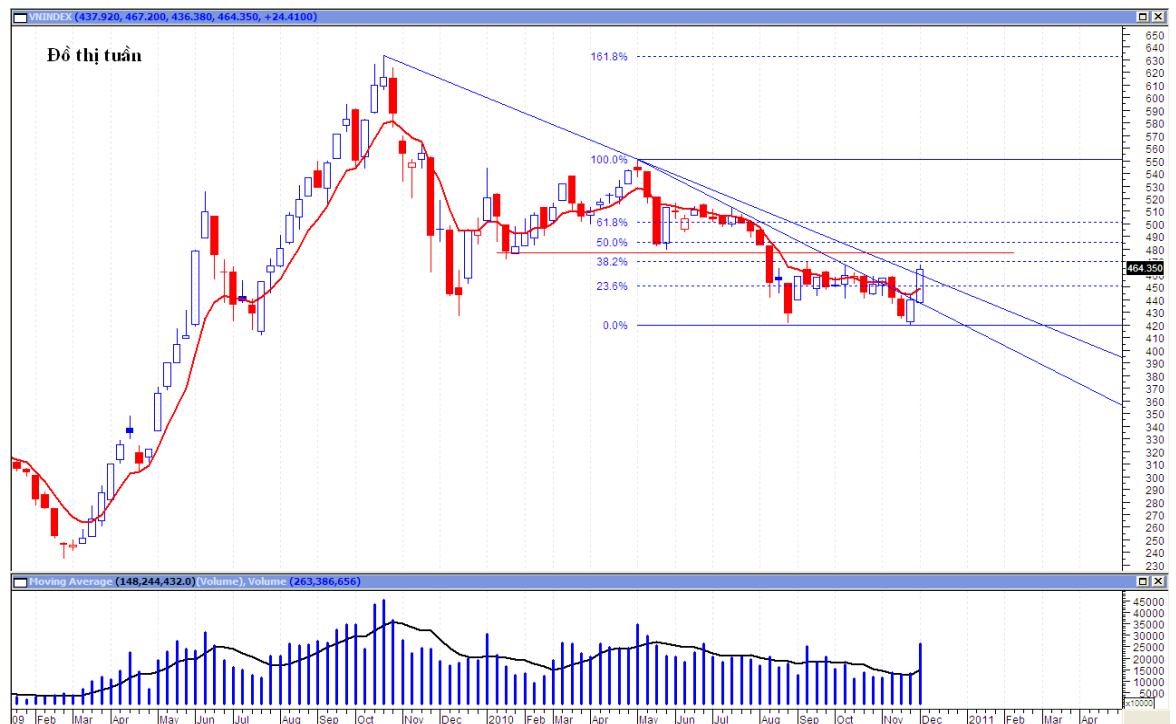
Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng –
ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Trang 2
HSX	Trang 2
HNX	Trang 3
II. KINH TẾ VĨ MÔ	Trang 5
1. Tin Kinh tế	Trang 5
2. Thị trường tiền tệ	Trang 7
III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH	
Thống kê giao dịch theo tuần	Trang 11
Thống kê giao dịch phiên cuối tuần	Trang 12
Lịch sự kiện	Trang 14

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

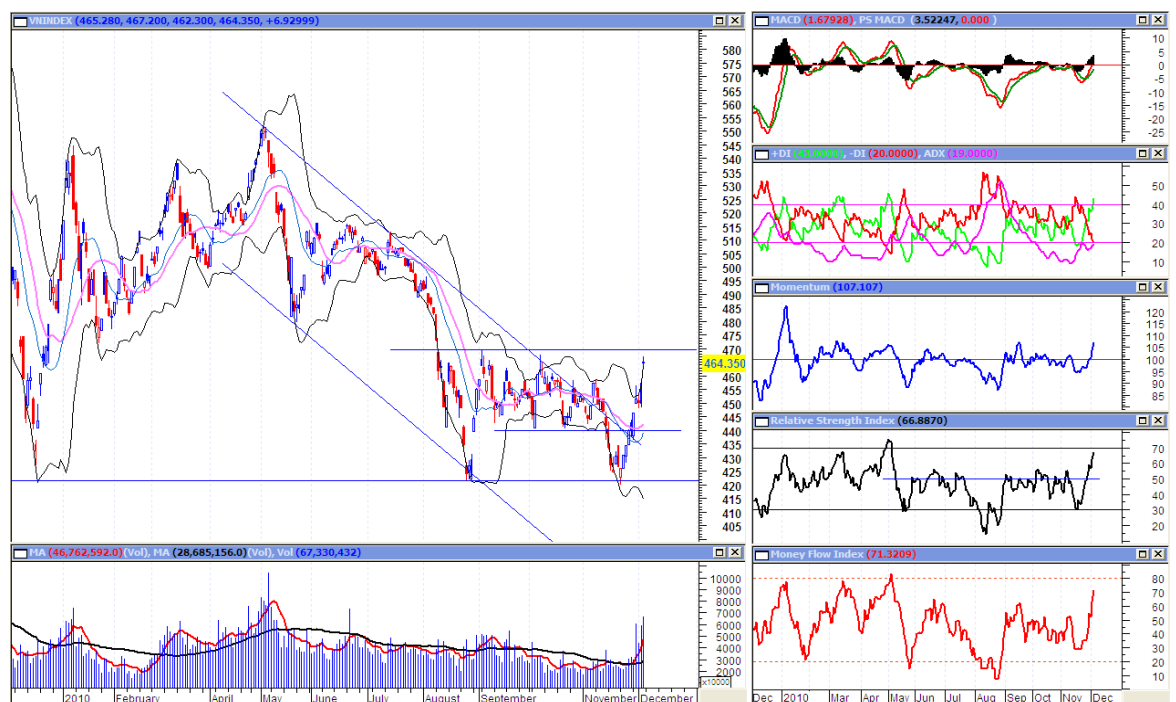
HSX:

Tăng
mạnh



Trên đồ thị tuần của VN-Index, chỉ số này đã xuyên thủng đường xu thế giảm giá kéo dài từ tháng 5/2010 cho tới cuối tháng 11/2010. Diễn biến giá và khối lượng cho thấy xu thế giảm giá này cơ bản đã suy yếu và thị trường chuyển sang trạng thái mới tích cực hơn. Điều đó đồng nghĩa mức hỗ trợ 420 điểm đã trở nên khó bị xuyên thủng hơn ngay trong trường hợp thị trường tiếp tục giảm điểm.

Hiện tại, chỉ số đang dao động tại đường xu thế mạnh hơn kéo dài từ tháng 10/2009 với vùng kháng cự từ 469 – 475 điểm. Vùng kháng cự này có ý nghĩa quan trọng khi việc chỉ số vượt qua vùng kháng cự sẽ xác nhận sự thay đổi về xu thế trung hạn của thị trường. Vùng kháng cự tiếp theo của VN-Index là 500 – 515 điểm.



VN-Index có tuần tăng điểm mạnh mẽ với mức tăng lên tới 24,41 điểm, tương đương 5,55% khi đóng cửa tuần giao dịch tại 464,35 điểm. Trong tuần, chỉ số chỉ thật sự điều chỉnh giảm trong ngày thứ tư và nhanh chóng lấy lại đà tăng giá trong hai ngày cuối tuần. Thanh khoản thị trường cũng cải thiện rõ ràng với sự trở lại cùng dòng tiền nóng. Trong cả tuần, đã có 299,42 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng, tương đương 6.269 tỷ đồng giá trị.

Về giao dịch, hiện tượng phân hóa các lớp cổ phiếu xuất hiện trong những phiên giao dịch đầu tuần và diễn ra mạnh mẽ trong phiên điều chỉnh của chỉ số. Trong những phiên đó, nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán và những cổ phiếu thuộc nhóm vốn hóa trung bình liên tục tăng giá và tiếp tục lôi kéo nhà đầu tư tham gia thị trường. Một số cổ phiếu tiêu biểu trong tuần qua như PXI, SSI, GMD.

Phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index gần như tăng nóng ngay từ đầu phiên giao dịch nhưng khi đạt tới mức 467,2 điểm, chỉ số đã điều chỉnh nhẹ trong phiên nhưng vẫn giữ mức tăng mạnh so với phiên trước đó. Trong phiên giao dịch này, chỉ số tăng 6,93 điểm, tương đương 1,52%. Đặc biệt, trong số các cổ phiếu niêm yết có tới 143 cổ phiếu tăng trần và chỉ 5 cổ phiếu giảm sàn.

Dòng tiền vẫn tiếp tục chạy mạnh vào thị trường và dễ nhận thấy khả năng duy trì đà tăng điểm trong phiên tiếp theo của VN-Index là khá dễ dàng. Tuy nhiên, theo phân tích kỹ thuật, mức kháng cự 469 – 470 điểm với sai số trong khoảng 475 điểm vẫn là thách thức lớn với thị trường. Mặt khác, thời điểm VN-Index đạt mức kháng cự này cũng là ngày T+4 của phiên giao dịch khối lượng đột biến và đi kèm đó là rủi ro lượng bán chốt lời sẽ gia tăng mạnh.

HNX: Tích cực.



Sau tuần giao dịch có phần lưỡng lự, tuần 49/2010 HNX-Index đã có một tuần giao dịch tăng giá mạnh mẽ với mức đóng cửa tại 116,66 điểm. So với tuần giao dịch trước, chỉ số tăng 15,09 điểm, tương đương 14,86%. Trong suốt tuần, dòng tiền chạy mạnh mẽ vào thị trường với việc tập trung lớn vào các cổ phiếu ngành chứng khoán như BVS, KLS và những phiên cuối tuần, một số cổ phiếu từng tăng giá mạnh như PVC, SHN, VE9 đều lấy lại đà tăng giá mạnh.

Phiên giao dịch cuối tuần, dòng tiền liên tục bổ sung vào thị trường và trải rộng trên hầu hết cổ phiếu dẫn tới hầu hết các cổ phiếu đều tăng giá và có tới 235 cổ phiếu tăng trần, chỉ 4 cổ phiếu giảm sàn. Tuy nhiên, đã hai phiên giao dịch liên tiếp khối lượng khớp lệnh trên sàn HNX giảm sút và điều này đang cho thấy nhà đầu tư giảm dần lượng bán ra. Động thái đó sẽ đi kèm với rủi ro lượng cung tăng

mạnh trong thời gian ngắn tới.

Thị trường tiếp tục tăng mạnh và dòng tiền tiếp tục chảy vào thị trường giúp HNX-Index tăng trong những phiên giao dịch gần đây. Tuy nhiên, chỉ số đã tăng một quãng đường dài với mức tăng 20,8% tính từ đáy và nhiều cổ phiếu đã tăng trên 50% so với giá tại vùng đáy. Điều này có nghĩa việc xuất hiện những điểm dừng trong xu thế tăng là việc dễ xảy ra và đi kèm là rủi ro điều chỉnh giảm giá chứng khoán.

Giao dịch cổ phiếu các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Tuần qua, nhóm cổ phiếu thuộc PVN đã đồng loạt hồi phục. Trong số 27 công ty niêm yết chính thức chỉ có 2 cổ phiếu giảm giá là DPM và PVV. Trong đó, cổ phiếu PVV giảm giá so với tuần trước do điều chỉnh giá tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu với tỷ lệ 1:2. Nếu không tính tới việc điều chỉnh giá của cổ phiếu PVV, nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tăng tới 14,07% và tăng 12,38% nếu bao gồm cổ phiếu PVV. Tổng khối lượng giao dịch trong tuần đạt 96,4 triệu cổ phiếu.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN tuần 49/2010:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (1 cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B*	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	19.9	2,595,100	↑ 16.37	1.50	8.56	HNX
2	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	11.8	675,800	↑ 9.26	1.52	123.43	HNX
3	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	15.6	3,361,000	↑ 30.00	1.32	N/A	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	37.3	3,676,600	↑ 12.35	2.46	2.97	HNX
5	PHH	CTCP Hồng Hà Dầu khí	16.7	1,666,000	↑ 15.17	1.43	6.91	HNX
6	PSI	CTCP Chứng khoán Dầu khí	15.1	4,419,700	↑ 21.77	0.94	11.75	HNX
7	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	45.4	2,331,600	↑ 14.94	2.43	6.61	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	27.9	5,409,600	↑ 15.29	2.15	7.12	HNX
9	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	21.9	1,368,600	↑ 10.05	1.94	9.24	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	15.4	1,479,400	↑ 14.93	0.69	11.57	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	20.1	2,874,600	↑ 11.67	1.86	8.89	HNX
12	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	17.1	11,720,900	↑ 23.02	1.52	N/A	HNX
13	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	13.9	866,400	↑ 24.11	0.79	26.15	HNX
14	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	26.8	2,604,300	↑ 13.56	2.21	7.02	HNX
15	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	15.4	346,000	↓ -31.56	1.26	5.98	HNX
16	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	23.0	32,694,200	↑ 22.99	1.53	7.41	HNX
17	DPM	Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34.9	3,666,820	↓ -0.57	2.36	8.07	HNX
18	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	17.8	3,044,130	↑ 14.84	1.06	7.26	HNX
19	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	35.0	770,290	↑ 6.38	3.13	5.17	HNX
20	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	13.7	2,992,830	↑ 17.09	0.58	15.15	HNX
21	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	51.0	1,728,890	↑ 3.66	3.86	14.60	HNX
22	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	22.9	1,213,660	↑ 6.51	1.73	46.67	HNX
23	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	11.2	2,327,640	↑ 12.00	0.95	44.01	HNX
24	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	17.4	906,280	↑ 21.68	1.57	7.86	HNX
25	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	11.6	316,470	↑ 9.43	0.99	8.98	HNX
26	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	15.0	766,220	↑ 0.67	1.41	6.44	HNX
27	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	11.5	646,600	↑ 18.56	1.08	14.49	HNX
28	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.9	234,000	↑ 23.96	N/A	N/A	HNX
29	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	6.7	121,064	↑ 15.52	0.68	N/A	HNX
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	14.0	-	→ 0.00	N/A	N/A	HNX
31	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	9.9	1,307,087	↑ 20.73	0.90	N/A	HNX
32	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	8.5	55,000	↑ 21.43	N/A	N/A	HNX
33	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.5	300	↑ 34.15	0.55	N/A	HNX

* Book value tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

II. KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tin kinh tế

Tin thế giới

Kinh tế toàn cầu tiếp tục cho tín hiệu hồi phục, đặc biệt tại khu vực sản xuất, công nghiệp ở nhiều nền kinh tế chủ chốt (trừ Nhật Bản). Trong báo cáo "Tình hình kinh tế thế giới và triển vọng năm 2011" (WESP 2011) công bố ngày 1/12 của Liên hiệp quốc, cơ quan này dự báo năm nay, nền kinh tế thế giới sẽ đạt tốc độ tăng trưởng 3,6%, song sẽ lần lượt giảm xuống còn 3,1% và 3,5% trong hai năm tiếp theo.

Chỉ số	Tuần trước*	Tuần này*	Thay đổi
Dow Jones Ind. Ave.	11.092,00	11.362,41	+2,44%
S&P 500	1.189,40	1.221,53	+2,70%
Nasdaq Comp.	2.534,56	2.579,35	+1,77%
FTSE 100	5.668,70	5.763,2	+1,67%
DAX	6.848,98	6.954,19	+1,54%
CAC 40	3.728,65	3.759,31	+0,82%
Nikkei 225	10.039,56	10.178,32	+1,38%
Hang Seng	22.877,25	23.320,52	+1,94%
Shanghai Comp.	2.871,70	2.842,43	-1,02%

* Giá đóng cửa tuần này tính tới 16:30 GMT+7 03-12-2010
Nguồn Yahoo Finance; PSI tổng hợp

Mỹ - lạc quan từ khu chi tiêu tiêu dùng trong mùa lễ cuối năm

Thị trường tài chính Mỹ bước sang tuần giao dịch đầu tháng 12 khá hứng khởi trước kỳ vọng chi tiêu tiêu dùng sẽ được đẩy mạnh vào mùa lễ hội cuối năm, tạo đà vững chắc cho sự hồi phục kinh tế trong năm tới. Nhìn chung, nhận định của các chuyên gia kinh tế tới thời điểm này là Mỹ vẫn chưa lấy được đà hồi phục như kỳ vọng, tuy nhiên khả năng suy thoái kép tại nền kinh tế này đã giảm xuống mức rất thấp. Thị trường lao động tiếp tục cho những tín hiệu hồi phục khá vững chắc và liên tục, kéo theo sự cải thiện của tâm lý tiêu dùng tại Mỹ trong những tháng gần đây.

Thông tin quan trọng được công bố trong tuần này:

- Chỉ số niềm tin tiêu dùng Mỹ (Consumer Confidence Index) tăng lên mức 54,1 điểm trong tháng 11, vượt xa kỳ vọng của thị trường. Thống kê từ những hàng bán lẻ lớn tại Mỹ cũng cho thấy bức tranh khá sáng về tâm lý tiêu dùng Mỹ với mức chi tiêu tăng khá mạnh trong dịp lễ tạ ơn năm nay. Chi tiêu tiêu dùng của người Mỹ đóng góp khoảng 70% vào GDP hàng năm của nền kinh tế này.
- Khu vực sản xuất Mỹ tiếp tục đà mở rộng trong những tháng gần đây đem lại sự củng cố cho niềm tin vào sự hồi phục của kinh tế. Chỉ số ISM Mfg Index đạt 56,6 điểm trong tháng 11, mức trên 50 điểm thể hiện sự tăng trưởng.
- Lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần trước tăng lên mức 436 nghìn đơn, cao hơn mức dự báo của các chuyên gia kinh tế trong khảo sát của Bloomberg. Tuy nhiên báo cáo của ADB lại cho thấy sự cải thiện đáng kể của lao động trong khu vực tư nhân với 93 nghìn công việc mới được tạo ra trong tháng vừa rồi. Báo cáo tổng quát về tình trạng lao động tháng 11 sẽ được Bộ Lao động Mỹ công bố vào ngày thứ 6 tại Mỹ, dự báo cho thấy sẽ có sự cải thiện tại khu vực phi nông nghiệp, tuy nhiên chưa đủ để hạ tỷ lệ thất nghiệp xuống dưới mức 9,6% trong tháng 10.
- Chỉ số giá nhà S&P Case-Shiller HPI cho thấy giá nhà trong 10 thành phố được khảo sát tại Mỹ giảm 0,7% trong tháng 9, so với cùng kỳ năm 2009 giá nhà vẫn tăng 1,9%. Chỉ số nhà chờ bán (Pending Home Sales Index) tăng 10,4% trong tháng 10. Bức tranh chung của thị trường nhà đất Mỹ vẫn chưa thoát khỏi u ám kể từ khi chính sách hỗ trợ thuế của chính phủ hết hạn.
Chỉ tiêu dành cho xây dựng trong tháng 10 bất ngờ tăng 0,7%, vượt xa dự báo giảm 0,4% của các chuyên gia kinh tế.

Một số thông tin đáng quan tâm sẽ được công bố trong tuần tới:

- Thứ Tư: Báo cáo về dầu của EIA.
- Thứ Năm: Lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần trước; Báo cáo về khí của EIA
- Thứ Sáu: Báo cáo về thương mại quốc tế; Chỉ số tâm lý tiêu dùng; Báo cáo ngân sách

Diễn biến mới từ khủng hoảng tài chính công khu vực Eurozone

Gói giải cứu từ EU/IMF kết hợp với quyết tâm cắt giảm mạnh ngân sách của Ireland không đủ tạo lòng tin vào sự hồi phục chắc chắn của hệ thống tài chính tại quốc gia này. Không chỉ có Ireland, lãi suất trái phiếu của hầu hết các quốc gia

khu vực Eurozone đều tăng mạnh trong những ngày đầu tuần, ngay sau khi chi tiết về gói giải cứu trị giá 85 tỷ EUR được công bố. Giới đầu tư lo ngại sự lây lan của khủng hoảng như hiệu ứng domino sẽ dẫn tới nguy cơ đổ vỡ ở nhiều quốc gia khác trong khu vực, đặc biệt là những nền kinh tế với quy mô lớn như Tây Ban Nha. Tuy nhiên tới cuối tuần, niềm tin đã phần nào được cải thiện sau khi ECB công bố kế hoạch sẽ tiếp tục chính sách hỗ trợ tăng trưởng và duy trì chương trình mua lại trái phiếu chính phủ thành viên. Lãi suất vẫn được ECB giữ ở mức 1%.

Sản xuất của Trung Quốc tăng tốc bất chấp thắt chặt tiền tệ. Hoạt động sản xuất của Trung Quốc bắt đầu tăng tốc với tốc độ cao nhất trong vòng 7 tháng trở lại đây. Chỉ số PMI tháng 11 tăng lên 55,2 điểm, từ mức 54,7 điểm trong tháng 10, vượt dự báo của giới phân tích. Đây là tháng thứ 21 liên tiếp, hoạt động sản xuất tại Trung Quốc đứng trên ngưỡng 50 điểm. Các nhà hoạch định chính sách đang tăng cường các biện pháp thắt chặt tiền tệ, nâng lãi suất cơ bản, hạ nhiệt thị trường địa ốc, nhằm kiềm chế lạm phát phi mã, đã chạm mốc kỷ lục trong 25 tháng. Chỉ số giá đầu vào tháng 11 tăng lên 73,5 điểm từ mức 69,9 điểm, chứng tỏ sức ép lạm phát sẽ còn tăng trong thời gian tới. Theo China International Capital, chỉ số CPI tháng 11 của Trung Quốc có thể sẽ tăng từ 4,4% trong tháng 10 lên mức 4,8%.

Hầu hết các định chế tài chính uy tín đều cho rằng kinh tế Trung Quốc đang trong giai đoạn tăng trưởng vững chắc, ngay cả khi những lo ngại về lạm phát tăng cao. Tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc một mặt góp phần đáng kể vào hồi phục kinh tế toàn cầu, mặt khác cũng đẩy giá hàng hóa thế giới tăng mạnh trong thời gian vừa qua nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở đây.

Kinh tế Nhật tiếp tục khó khăn. Số liệu được Bộ Kinh tế - Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) công bố cho thấy sản lượng công nghiệp tháng 10 giảm 1.8% so với tháng 9, nhẹ hơn mức giảm 1.9% trong tháng trước và khả quan hơn dự báo sụt giảm 3.3% của các nhà kinh tế. Đây là tháng thứ 5 liên tiếp, sản lượng công nghiệp Nhật suy giảm. Theo dự báo của METI, sản lượng công nghiệp có thể tăng 1.4% trong tháng 11 và 1.5% trong tháng cuối năm.

Cũng trong tuần này, Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản thông báo tỷ lệ thất nghiệp tháng 10 tại nước này tăng lên 5.1% từ mức 5% trong tháng 9, cao hơn mức dự báo của các nhà kinh tế (5%).

Tin trong nước

Các yếu tố cơ bản của kinh tế trong nước vẫn chưa có nhiều chuyển biến, chuyển biến lớn nhất nhận thấy trong tuần này là nỗ lực của các nhà điều hành trong việc củng cố niềm tin thông qua nhiều biện pháp phối hợp khá đồng bộ. Nhìn chung các thị trường vàng, ngoại tệ đã ổn định trở lại sau phiên họp báo công bố kết quả phiên họp thường niên của Chính phủ vào giữa tuần này. Tuy nhiên để tạo một sự chuyển biến bền vững, rất cần những chiến lược dài hơi và mang tính chiến lược.

Tới thời điểm này có thể chắc chắn là chỉ tiêu kiềm chế lạm phát ở mức 8% đã không thể hoàn thành, với dự báo mới được Tổ điều hành thị trường đưa ra, chỉ số CPI tháng 12 có thể tăng 1,3% tới 1,5%, như vậy lạm phát đã chính thức vượt một con số. Phân tích những nguyên nhân dẫn tới lạm phát tăng mạnh trong những tháng cuối năm, ngoài những yếu tố “cố hữu” của nội tại nền kinh tế, còn có sự góp phần quan trọng từ ảnh hưởng của giá hàng hóa thế giới tăng mạnh sau thời kỳ khủng hoảng. Như vậy, có thể kỳ vọng một sự ổn định trở lại trong khoảng 6 tháng tới của mặt bằng giá trong nước, do giá hàng hóa thế giới đang trong xu hướng ổn định, sau khi tăng mạnh vào giữa năm nay. Kết hợp với độ trễ của chính sách thắt chặt tiền tệ vào cuối năm nay, chúng tôi tin rằng lạm phát sẽ dịu xuống sau Tết Nguyên Đán. Mặc dù vậy, như đã phân tích, diễn biến lạm phát của Việt Nam còn phụ thuộc nhiều vào những yếu tố nội tại, do vậy lạm phát vẫn sẽ là mối lo ngại trong nhiều năm nữa.

2. Thị trường tiền tệ

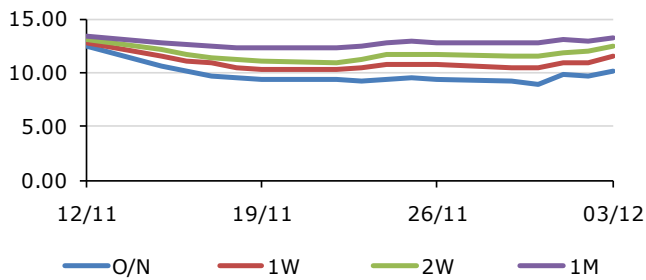
Lãi suất

Cuộc chạy đua tăng lãi suất huy động vẫn chưa ngừng, tuần này ghi nhận lãi suất được một số ngân hàng niêm yết sát mức 14%/năm, một vài NHTM nhỏ đã đẩy lãi suất huy động lên mức 16%, cộng theo nhiều hình thức tăng lãi suất trả hình khác.

Lãi suất liên ngân hàng tuần này tăng nhẹ về cuối tuần tại hầu hết các kỳ hạn. Cuối ngày 3/12, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm ở mức trung bình 10,13% , kỳ hạn 1 tháng ở mức 13,28%.

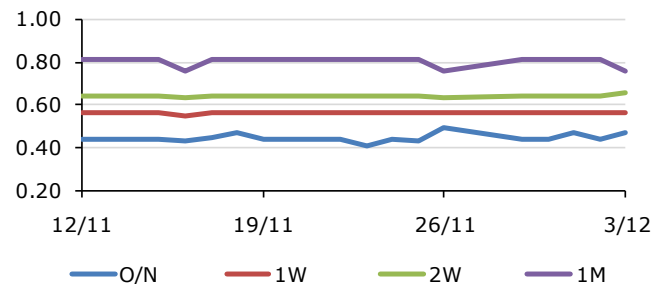
Lãi suất liên ngân hàng bằng tiền USD khá ổn định trong nhiều tuần gần đây.

LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG (VND, %)



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG (USD, %)



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thị trường vàng và ngoại hối

Tỷ giá tiếp tục tăng nhẹ, giá vàng trong nước ổn định

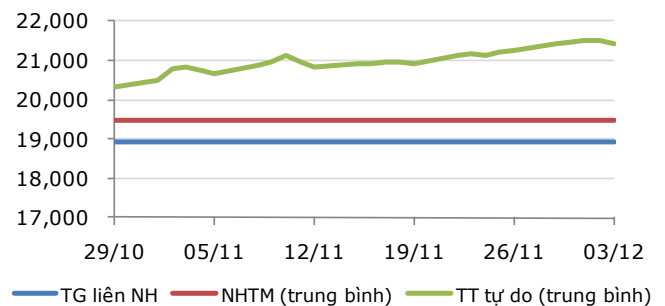
Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do tuần này đã thiết lập mức đỉnh mới, 21.570 VND/USD, trước khi giảm mạnh trong hai ngày cuối tuần sau những thông tin hỗ trợ tới từ Chính phủ và NHNN. Tối chiều ngày 3/12, tỷ giá bình quân trên thị trường tự do vào khoảng 21.400/21.450 VND/USD.

Theo Thống đốc NHNN, trạng thái mất cân bằng ngoại tệ trong hệ thống ngân hàng đã giảm mạnh trong giai đoạn cuối tháng 11, từ mức âm 355 triệu USD vào ngày 21/11 đã giảm còn âm 94 triệu USD vào cuối ngày 2/12. Đây có thể là kết quả của việc NHNN bơm ngoại tệ hỗ trợ ngân hàng, tuy nhiên con số cụ thể chưa được công bố.

Cân đối cung cầu USD trong năm nay cũng bớt căng thẳng hơn năm 2009 nhờ sự cải thiện trong giải ngân vốn FDI (tăng hơn 9%), kiều hối (tăng khoảng 14%); trong khi nhập siêu ước đạt 12 tỷ USD thấp hơn kế hoạch.

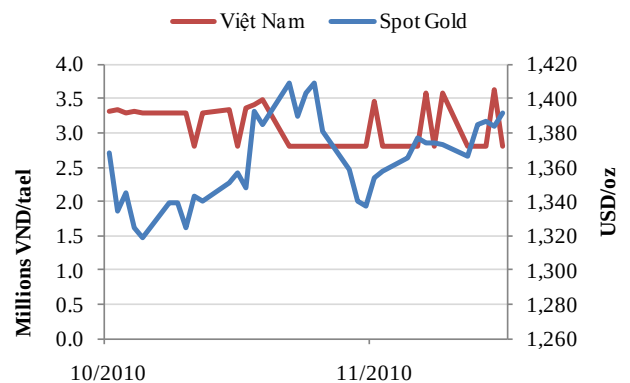
Giá vàng trong nước tiếp tục giữ ở mức 36,3 triệu đồng/lượng, mặc dù vàng thế giới đêm qua tiếp tục tăng. Hiện tại, giá vàng trong nước đã biến động khá tương đồng với vàng thế giới nhờ chỉ đạo cho phép nhập khẩu vàng giúp liên thông hai thị trường. Tỷ giá USD trên thị trường tự do giảm về cuối tuần là một trong những nguyên nhân khiến vàng giữ giá.

TỶ GIÁ VND/USD



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

GIÁ VÀNG

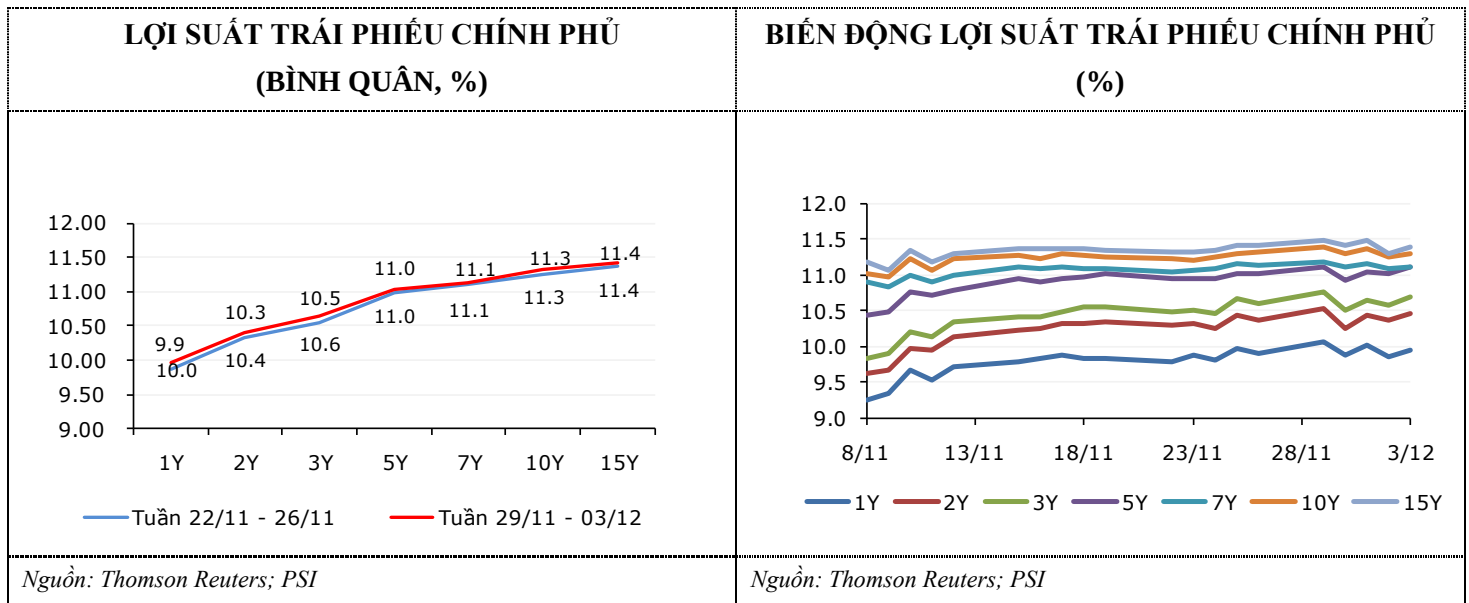


Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thị trường trái phiếu

Lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình trong tuần này tiếp tục ổn định, với mức tăng nhẹ vài điểm cơ bản ở một số kỳ hạn ngắn.

Khối lượng trái phiếu giao dịch qua HNX tuần này cải thiện với hơn 57 triệu đơn vị giao dịch thành công.



Thống kê giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX

Ngày	Loại TP	Mã TP	Đáo hạn	Coupon (%)	Lợi suất cao nhất (%)	Lợi suất thấp nhất (%)	Tổng khối lượng
29/11/2010	TPCP	TP4A0706	23/02/2021	9,25	11,03	11,03	1.000.000
	TPCP	TD1012039	24/05/2012	10,90	10,40	10,40	1.200.000
	TPCP	TD1015050	21/06/2015	10,95	10,20	10,20	5.000.000
	TPCP	TB1015043	27/05/2015	11,20	10,20	10,20	3.000.000
	TPCP	TD1015044	01/06/2015	11,33	10,20	10,20	4.000.000
	TPCP	CPD1015026	19/04/2015	11,50	10,20	10,20	2.000.000
01/12/2010	TPCPBL	QHB1020028	22/04/2020	11,50	11,04	11,04	6.000.000
	TPCP	TD1015050	21/06/2015	10,95	10,20	10,20	5.000.000
	TPCP	TB1015043	27/05/2015	11,20	10,20	10,20	2.000.000
	TPCP	TD1015044	01/06/2015	11,33	10,20	10,20	4.000.000
	TPCP	CPD1015026	19/04/2015	11,50	10,20	10,20	1.800.000
	TPCPBL	QHB1013027	20/04/2013	11,70	11,20	11,20	4.000.000
02/12/2010	TPCPBL	VBS110017	11/05/2012	11,70	20,29	20,29	1.000.000
	TPCP	TP1_0906	24/05/2011	8,75	15,73	15,73	800
03/12/2010	TPCP	TD1020065	18/10/2020	10,80	11,00	11,00	4.400.000
	TPCP	TD1015050	21/06/2015	10,95	10,20	10,20	5.000.000
	TPCP	TB1015043	27/05/2015	11,20	10,20	10,20	2.000.000
	TPCP	TD1015044	01/06/2015	11,33	10,20	10,20	4.000.000
	TPCP	CPD1015026	19/04/2015	11,50	10,20	10,20	1.800.000
Tổng khối lượng							57.200.800

Nguồn: HNX 03-12-2010 16:30 GMT+7

III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT THEO TUẦN

HSX

HSX	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	464.35 ↑	24.41	5.55%
KLGD (triệu ck)	299.42 ↑	133.79	80.78%
GTGD (tỷ đồng)	6,269.68 ↑	2,672.55	74.30%

HNX

HNX	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	116.66 ↑	15.09	14.86%
KLGD (triệu ck)	311.94 ↑	147.91	90.17%
GTGD (tỷ đồng)	5,840.99 ↑	3,002.87	105.80%

UPCOM

UPCOM	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	42.96 ↑	2.52	6.23%
KLGD (triệu ck)	4.39 ↑	3.24	281.60%
GTGD (tỷ đồng)	59.66 ↑	46.19	342.82%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SSI	22,500	27,900	24.00	385,948
STB	14,100	15,600	10.64	245,135
QCG	24,000	28,300	17.92	212,428
REE	14,100	17,400	23.40	208,692
HAG	77,000	78,000	1.30	173,030

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
KTB	20,200	25,600	5,400	26.73
TS4	18,600	23,500	4,900	26.34
TDC	19,600	24,700	5,100	26.02
SRC	19,800	24,900	5,100	25.76
DQC	17,900	22,500	4,600	25.70

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
VTF	18,500	17,100	-1,400	-7.57
/FMVF/	8,400	7,800	-600	-7.14
ST8	24,000	22,400	-1,600	-6.67
DCC	26,800	25,200	-1,600	-5.97
HQC	30,300	28,500	-1,800	-5.94

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
FPT	73,681	ITA	73,322
HAG	69,673	DPM	45,999
PVD	65,385	PVD	39,644
STB	59,077	FPT	37,708
DPM	56,866	HAG	36,195

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
PVX	18,700	23,000	22.99	696,220
KLS	11,800	15,500	31.36	377,698
VCG	22,700	27,800	22.47	277,507
SHN	17,000	21,500	26.47	244,028
PVL	13,900	17,100	23.02	187,724

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
TIG	19,100	26,600	7,500	39.27
LTC	24,100	32,900	8,800	36.51
SEL	10,000	13,600	3,600	36.00
AMV	10,800	14,500	3,700	34.26
MAC	9,200	12,300	3,100	33.70

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
PVV	22,500	15,400	-7,100	-31.56
QST	15,400	11,800	-3,600	-23.38
DHT	49,900	40,900	-9,000	-18.04
LDP	51,500	42,600	-8,900	-17.28
QTC	30,300	25,600	-4,700	-15.51

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
PVX	10,586	PVS	36,732
PVI	5,334	BVS	24,986
KLS	3,912	PVX	13,428
VCG	3,720	SHB	8,053
PVS	3,425	SHS	6,341

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
PFV	32,000	32,000	0.00	24,814
PSB	8,200	9,900	20.73	10,959
UDJ	10,800	13,500	25.00	5,456
NT2	9,600	11,900	23.96	2,326
TGP	5,900	6,500	10.17	2,065

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
VNX	6,600	9,700	3,100	46.97
LCC	4,100	6,000	1,900	46.34
IN4	10,400	14,400	4,000	38.46
PTT	4,100	5,500	1,400	34.15
SPD	9,000	12,000	3,000	33.33

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
CT3	63,600	9,000	-54,600	-85.85
HFC	40,000	20,000	-20,000	-50.00
NBW	44,600	26,500	-18,100	-40.58
ND2	9,500	7,600	-1,900	-20.00
TTR	18,000	14,500	-3,500	-19.44

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

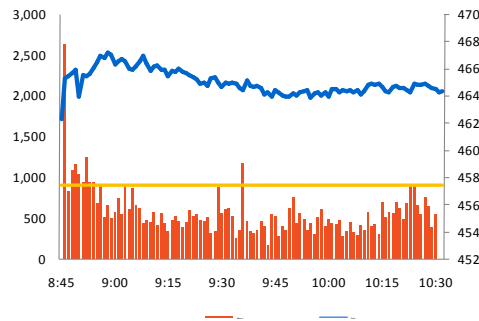
Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
HIG	427	ACE	126
ACE	141	MAS	76
PPP	129	GTH	44
HPT	115		0
MAS	86		0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT PHIÊN CUỐI TUẦN

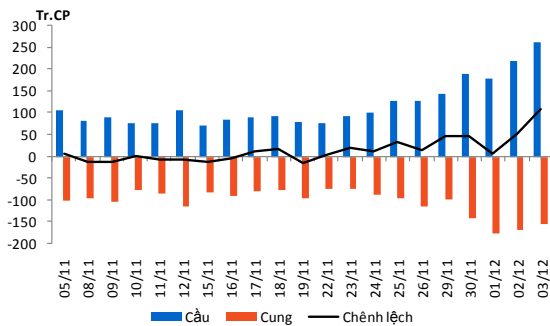
HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	464.35 ↑	6.93	1.52%
KLGD (triệu ck)	71.91 ↑	5.85	8.85%
GTGD (tỷ đồng)	1,548.76 ↑	162.50	11.72%
Tổng cung (triệu ck)	90.41 ↑	4.93	5.77%
Tổng cầu (triệu ck)	152.90 ↑	32.77	27.28%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.10 ↓	-1.21	-22.79%
KL bán (triệu ck)	6.67 ↑	0.85	14.58%
Giá trị mua (tỷ đồng)	139.07 ↑	2.33	1.70%
Giá trị bán (tỷ đồng)	189.96 ↑	44.84	30.90%

VN-Index



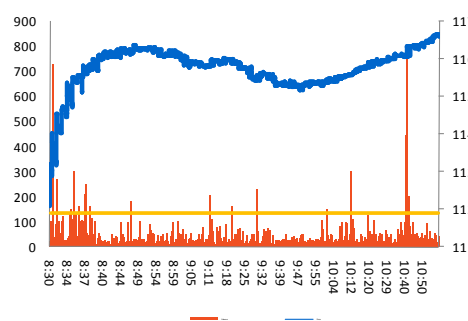
Diễn biến Cung – Cầu



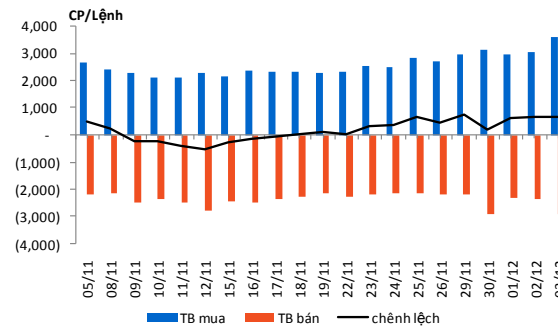
HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	116.66 ↑	4.73	4.23%
KLGD (triệu ck)	64.17 ↓	-5.90	-8.43%
GTGD (tỷ đồng)	1,229.74 ↓	-130.31	-9.58%
Tổng cung (triệu ck)	63.69 ↓	-18.52	-22.53%
Tổng cầu (triệu ck)	109.06 ↑	9.50	9.54%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.83 ↑	0.14	21.13%
KL bán (triệu ck)	2.95 ↑	1.59	117.70%
Giá trị mua (tỷ đồng)	15.98 ↑	2.45	18.12%
Giá trị bán (tỷ đồng)	60.46 ↑	30.62	102.60%

HNX-Index



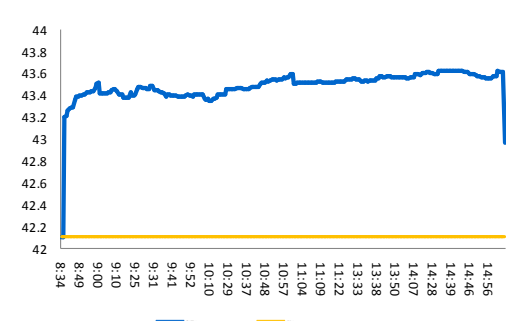
Diễn biến trung bình lệnh mua/bán



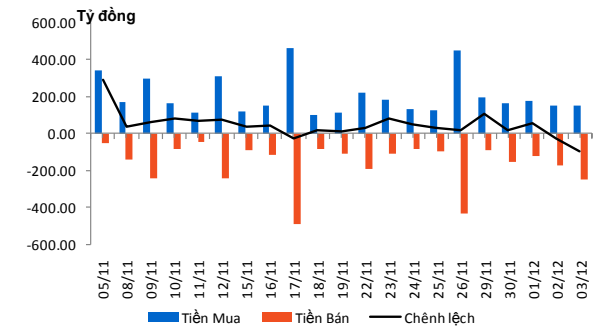
UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	42.96 ↑	0.86	2.04%
KLGD (triệu ck)	1.01 ↑	0.29	39.66%
GTGD (tỷ đồng)	9.51 ↑	2.07	27.83%
Tổng cung (triệu ck)	1.21 ↑	0.19	18.68%
Tổng cầu (triệu ck)	1.19 ↑	0.16	15.71%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.01 ↓	0.00	-2.68%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.10 ↓	-0.04	-28.67%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%

UPCOM-Index



Diễn biến giao dịch của NĐTNN



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	15,000	15,600	4.00	80,540
OGC	24,600	25,800	4.88	62,176
QCG	27,000	28,300	4.81	60,317
REE	16,600	17,400	4.82	56,222
ITA	15,300	16,000	4.58	51,438

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
MAFPF1	4,000	4,200	200	5.00
NTB	16,000	16,800	800	5.00
NVT	14,000	14,700	700	5.00
PIT	14,000	14,700	700	5.00
SMA	12,000	12,600	600	5.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VTF	18,000	17,100	-900	-5.00
LHG	48,000	45,700	-2,300	-4.79
STG	25,500	24,300	-1,200	-4.71
HQC	29,900	28,500	-1,400	-4.68
TMS	27,900	26,700	-1,200	-4.30

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DPM	22,441	ITA	33,699
PVD	21,811	DPM	14,540
BVH	14,769	TDH	11,378
STB	11,603	SJS	10,651
FPT	8,529	PVD	9,832

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	21,500	23,000	6.98	181,284
VCG	26,000	27,800	6.92	59,917
HBB	10,800	11,500	6.48	44,580
PGS	34,900	37,300	6.88	35,703
ACB	22,600	24,100	6.64	31,664

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSM	20,000	21,400	1,400	7.00
TLC	10,000	10,700	700	7.00
SDU	40,000	42,800	2,800	7.00
ICG	18,600	19,900	1,300	6.99
KBT	22,900	24,500	1,600	6.99

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SGH	93,000	86,500	-6,500	-6.99
HTB	34,500	32,100	-2,400	-6.96
MKV	49,900	46,500	-3,400	-6.81
HBD	14,700	13,700	-1,000	-6.80
LDP	45,600	42,600	-3,000	-6.58

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVI	5,204	PVS	23,433
PVX	5,031	SHB	8,052
PVS	944	SHS	6,341
APG	933	PVX	5,058
VCG	844	TIG	3,198

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PSB	9,000	9,900	10.00	2,317
UDJ	12,700	13,500	6.30	1,999
TGP	6,400	6,500	1.56	908
VPC	6,300	6,900	9.52	754
CLS	8,600	9,400	9.30	518

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PMT	5,000	5,500	500	10.00
PSB	9,000	9,900	900	10.00
PTT	5,000	5,500	500	10.00
IN4	13,100	14,400	1,300	9.92
VQC	31,500	34,600	3,100	9.84

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NDC	39,400	27,000	-12,400	-31.47
HDM	9,000	8,100	-900	-10.00
NBW	29,400	26,500	-2,900	-9.86
DBM	30,500	27,500	-3,000	-9.84
BMJ	21,800	19,700	-2,100	-9.63

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PPP	101		0

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Cty Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	168.00	2,817,400	10,100	15/12/2010	từ 11/25/2010
CT CP Tập đoàn thép Tiến Liên	540.00	8,200,000	15,000	25/11/2010	từ 5/11/2010
Công ty Cổ phần Thương mại Satra Tiền Giang	31.50	1,386,960	14,000	22/11/2010	Từ 1/11/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	HNX	108	30/11/2010
CTCP Đầu tư Sông Hồng - Thăng Long	HNX	30	26/11/2010
CTCP Hanel Xốp Nhựa	HNX	50	26/11/2010
CTCP Tập đoàn Tân Mai	HNX	780.74927	24/11/2010
CTCP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	HNX	300	23/11/2010
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	HSX	604.921	23/11/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	HSX	120	12/1/2010
CTCP Everpia Việt Nam	HSX	153.27996	11/30/2010
Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	HNX	450	11/26/2010
CTCP Than Vàng Danh - TKV	HNX	152.8079	11/26/2010
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	11/26/2010
Tổng CTCP Y tế Danameco	HNX		11/25/2010
CTCP Thủy sản Getranco	HNX		11/25/2010
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	HSX		11/25/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Vận tải biển Sài Gòn	SGS	UPCOM	14.42		22/12/2010
Cổ phiếu CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt may	VTI	HNX			17/12/2010
CTCP Kim Khí Miền Trung	KMT	HNX			15/12/2010
CTCP Đầu tư và thẩm định giá dầu khí PIV	PIV	HNX	12.00		08/12/2010
CTCP Cáp Nhựa Vĩnh Khánh	VKC	HNX	130.00		08/12/2010
CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	PX1	UPCOM	20.00		01/12/2010
CTCP Vận Tải Ngoại Thương	VNF	HNX	56.00		01/12/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339